

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CMVIETNAM**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 40

\*\*\*\*\*



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMVIETNAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần CMVIETNAM (trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 15 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty và tăng vốn điều lệ, trong đó thay đổi lần 15 ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc thay đổi tên Công ty.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024.35738555
- Fax : 024.38564666

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng và cung ứng nhân lực.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Phi	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Văn Trung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Lương Sơn Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018

#### Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lương Sơn Hùng	Trưởng ban	Ngày 09 tháng 5 năm 2018
Ông Phạm Minh Phúc	Thành viên	Ngày 09 tháng 5 năm 2018
Ông Trần Minh Đức	Thành viên	Ngày 09 tháng 5 năm 2018

#### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2019
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2011
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014
Ông Trần Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Kim Ngọc Nhân - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2019).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

Ngày 25 tháng 3 năm 2020

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam  
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam  
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam  
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0229/20/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần CMVIETNAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

3. li  
T  
Đ  
Đ  
T  
=

5-06  
HÃNG  
CÔNG TY  
KIỂM TOÁN  
HỮU  
VÀ TI  
C  
HÀ NỘI  
- TP

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Các chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, “Trả trước cho người bán ngắn hạn”, “Phải thu ngắn hạn khác” và “Phải trả người bán ngắn hạn” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đang theo dõi một số khoản công nợ đã phát sinh lâu ngày, do đó, Công ty không thực hiện được thủ tục đối chiếu xác nhận nợ với các bên, số tiền lần lượt là 13.927.265.023 VND, 264.820.000 VND và 6.475.874.189 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 14.778.061.948 VND, 21.540.049.741 VND và 6.038.825.952 VND, xem thêm thuyết minh V.3, V.4, V.6 và V.12). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến về các số dư này, cũng như đánh giá ảnh hưởng đến các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (nếu có).
- Chỉ tiêu “Hàng tồn kho” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đang theo dõi số dư Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang Công trình Sông Bạc với số tiền là 21.361.631.990 VND, phát sinh từ năm 2013. Chúng tôi chưa nhận được các đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng ghi nhận doanh thu của công trình này. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về khả năng ghi nhận doanh thu tương ứng với giá trị dở dang của công trình này, cũng như số dự phòng tồn thất cần trích lập (nếu có).

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần CMVIETNAM tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>289.859.465.806</b>	<b>305.728.932.466</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>8.382.782.984</b>	<b>77.197.746.918</b>
1. Tiền	111		6.358.848.738	77.197.746.918
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.023.934.246	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>44.512.144.112</b>	<b>16.456.942.464</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	44.512.144.112	16.456.942.464
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>127.471.950.987</b>	<b>141.240.850.688</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	73.544.224.552	79.558.301.609
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	41.479.547.016	17.379.671.588
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	4.225.000.000	625.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	57.098.433.775	86.069.934.965
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(48.875.254.356)	(42.392.057.474)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>92.661.035.682</b>	<b>58.514.699.410</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	92.661.035.682	58.514.699.410
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.831.552.041</b>	<b>12.318.692.986</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.494.718.206	2.192.192.522
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.336.833.835	10.126.500.464
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>198.346.459.820</b>	<b>195.647.291.608</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>20.826.699.903</b>	<b>15.126.180.660</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	20.826.699.903	15.126.180.660
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>40.540.902.878</b>	<b>47.885.819.561</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	27.534.561.024	34.858.532.211
<i>Nguyên giá</i>	222		57.121.839.211	59.524.811.030
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(29.587.278.187)	(24.666.278.819)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	13.006.341.854	13.027.287.350
<i>Nguyên giá</i>	228		13.163.033.000	13.163.033.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(156.691.146)	(135.745.650)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>131.220.919.758</b>	<b>131.464.624.546</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	110.654.570.000	110.654.570.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	13.200.000.000	13.200.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(4.964.842.523)	(4.170.796.998)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	12.331.192.281	11.780.851.544
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.757.937.281</b>	<b>1.170.666.841</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	5.757.937.281	1.170.666.841
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>488.205.925.626</b>	<b>501.376.224.074</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>300.974.196.051</b>	<b>310.935.470.114</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>289.035.703.305</b>	<b>303.001.484.527</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	78.802.908.196	83.287.266.953
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	137.994.412.304	178.781.677.623
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.216.159.291	4.162.379.653
4. Phải trả người lao động	314		6.617.414.484	3.628.769.430
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	11.395.819.217	2.755.406.229
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16a	5.885.678.805	2.037.664.365
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	2.572.731.088	2.109.745.632
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	41.477.328.608	25.165.323.330
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.073.251.312	1.073.251.312
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>11.938.492.746</b>	<b>7.933.985.587</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	11.913.492.746	6.366.688.134
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16b	-	18.808.786
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	25.000.000	1.548.488.667
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

YẾP  
CH  
GI  
:CH  
:MT  
T  
/VG

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>187.231.729.575</b>	<b>190.440.753.960</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>187.231.729.575</b>	<b>190.440.753.960</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(211.950.000)	(211.950.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.161.362.309	5.148.466.209
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.282.317.266	13.504.237.751
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.891.341.651	13.504.237.751
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.390.975.615	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>488.205.925.626</b>	<b>501.376.224.074</b>

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Ngô Thị Trang

Đinh Thị Thủy

Lông Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	267.089.445.774	326.663.454.786
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		267.089.445.774	326.663.454.786
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	249.817.451.054	301.602.205.256
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.271.994.720	25.061.249.530
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.985.131.758	6.724.518.371
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.262.078.402	9.138.074.729
Trong đó: chi phí lãi vay	23		793.896.172	4.382.387.378
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	18.513.410.112	18.125.377.133
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.481.637.964	4.522.316.039
12. Thu nhập khác	31	VI.6	8.973.846.847	417.921.790
13. Chi phí khác	32	VI.7	7.604.018.812	546.018.912
14. Lợi nhuận khác	40		1.369.828.035	(128.097.122)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.851.465.999	4.394.218.917
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	1.460.490.384	1.231.340.268
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>5.390.975.615</u>	<u>3.162.878.649</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Ngô Thị Trang

Đinh Thị Thủy

Kim Ngọc Nhân

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.851.465.999	4.394.218.917
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.10; 11	8.138.586.683	8.377.123.300
- Các khoản dự phòng	03 V.2; 7	7.277.242.407	8.283.531.277
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.3	(2.508.969.640)	(1.003.605.818)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.953.801.780)	(1.503.016.473)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	793.896.172	4.382.387.378
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.598.419.841	22.930.638.581
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.957.591.234	(47.859.713.466)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(34.146.336.272)	(9.877.566.953)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(22.181.340.873)	138.614.384.237
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.889.796.124)	850.305.549
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(750.108.720)	(4.418.324.190)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.14	(4.072.727.637)	(4.118.297.181)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(50.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(46.484.298.551)</b>	<b>96.071.426.577</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(793.670.000)	(5.046.435.532)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	2.052.115.454	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(49.664.000.000)	(23.105.102.464)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	18.301.514.196	9.372.027.874
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.900.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.599.926.602	1.151.659.282
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(28.504.113.748)</b>	<b>(21.527.850.840)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	59.232.208.673		99.460.036.602
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(44.443.692.062)		(108.576.411.136)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.600.000.000)		-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>6.188.516.611</i>		<i>(9.116.374.534)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(68.799.895.688)</b>		<b>65.427.201.203</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>77.197.746.918</b>		<b>11.772.410.854</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(15.068.246)		(1.865.139)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>8.382.782.984</b>		<b>77.197.746.918</b>

Người lập biểu

Ngô Thị Trang

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng và cung ứng nhân lực

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Thương mại	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông	Xây lắp và hoạt động khai thác khoáng sản	68,44%	68,44%	68,44%
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	33A Tô Hiến Thành, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Cung cấp dịch vụ	59,63%	59,63%	59,63%

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin	Số 32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	23,32%	23,32%	23,32%

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 379 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 285 nhân viên).

# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản (các Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản (các Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

#### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, mức trích lập căn cứ cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng công trình được xác định như sau:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ = Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ + Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ - Giá vốn kết chuyển trong kỳ, trong đó:

$$\text{Giá vốn kết chuyển trong kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Doanh thu trong kỳ}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí trả trước khác*

Chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí theo thời gian hữu dụng của chi phí.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	4 – 6
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### *Nhãn hiệu, tên thương mại*

Nguyên giá của nhãn hiệu, tên thương mại bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

### 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 11. **Vốn chủ sở hữu**

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

#### 15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	73.621.464	3.877.825
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.285.227.274	77.193.869.093
Các khoản tương đương tiền ( <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i> )	2.023.934.246	-
<b>Cộng</b>	<b><u>8.382.782.984</u></b>	<b><u>77.197.746.918</u></b>

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

##### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau đây đều có giá gốc bằng giá trị ghi sổ:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b><u>44.512.144.112</u></b>	<b><u>16.456.942.464</u></b>
Tiền gửi có kỳ hạn	44.512.144.112	16.456.942.464
<b>Dài hạn</b>	<b><u>12.331.192.281</u></b>	<b><u>11.780.851.544</u></b>
Tiền gửi có kỳ hạn	7.771.192.281	7.220.851.544
Trái phiếu (*)	4.560.000.000	4.560.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>56.843.336.393</u></b>	<b><u>28.237.794.008</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(\*) Là 456 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu, thời hạn 10 năm với lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tham chiếu +1,2%/năm. Trái phiếu này cùng 01 hợp đồng tiền gửi có giá trị 5.500.000.000 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>110.654.570.000</b>	<b>(4.964.842.523)</b>	<b>110.654.570.000</b>	<b>(4.170.796.998)</b>
Công ty Cổ phần CM				
Đầu tư và Thương mại <sup>(i)</sup>	21.030.000.000	(3.603.362.581)	21.030.000.000	(3.603.362.581)
Công ty Cổ phần Xây				
lắp Môi trường <sup>(ii)</sup>	41.924.570.000	-	41.924.570.000	-
Công ty Cổ phần CM				
Nha Trang <sup>(iii)</sup>	47.700.000.000	(1.361.479.942)	47.700.000.000	(567.434.417)
<b>Đầu tư vào công ty liên</b>				
<b>doanh, liên kết</b>	<b>13.200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>13.200.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư				
và hạ tầng Vietin <sup>(iv)</sup>	13.200.000.000	-	13.200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>123.854.570.000</b>	<b>(4.964.842.523)</b>	<b>123.854.570.000</b>	<b>(4.170.796.998)</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103039377 ngày 24 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây lắp Nam Việt (nay là Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại) 21.030.000.000 VND, tương đương với 100% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại chưa thực hiện thay đổi được Giấy phép đăng ký kinh doanh về loại hình doanh nghiệp.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400308865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 4 năm 2017, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường 41.924.570.000, tương đương 68,44% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ theo đăng ký, không thay đổi so với đầu năm.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201758312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 06 tháng 9 năm 2017 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 28 tháng 6 năm 2018, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần CM Nha Trang 47.700.000.000 VND, tương đương 59,63% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ theo đăng ký, không thay đổi so với đầu năm.

(iv) Công ty đã mua 1.320.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và hạ tầng Vietin với giá mua là 13.200.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 23,32% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin.

#### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết*

Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại (Công ty con) hiện đã dừng hoạt động.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin (Công ty liên kết) đang trong quá trình đầu tư chưa phát sinh doanh thu.

Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường và Công ty Cổ phần CM Nha Trang (các Công ty con) đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.170.796.998	1.081.211.164
Trích lập dự phòng bổ sung	794.045.525	3.195.282.076
Hoàn nhập dự phòng	-	(105.696.242)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>4.964.842.523</u></b>	<b><u>4.170.796.998</u></b>

*Giao dịch với các công ty con*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại</i>		
Chi hộ Công ty con	3.000.000	-
Vay Công ty con	-	40.000.000
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường</i>		
Mua hàng hóa, vật tư của Công ty con	-	255.441.450
Phải trả Công ty con khối lượng xây lắp, thuê thiết bị	4.618.369.050	27.210.821.473
Vay Công ty con	-	1.700.000.000
Lãi vay phải trả Công ty con	-	27.125.000
Cung cấp vật tư, dịch vụ cho Công ty con	360.754.900	171.000.000
<i>Công ty cổ phần CM Nha Trang</i>		
Thi công xây lắp cho Công ty con	24.164.874.275	79.467.197.528
Cho Công ty con thuê xe	200.000.000	-
Góp vốn vào Công ty con	-	3.900.000.000
Cho Công ty con vay	8.450.000.000	2.432.160.000
Công ty con trả gốc vay	4.850.000.000	5.257.160.000
Lãi vay phải thu Công ty con	71.438.889	157.837.333
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	404.012.401	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Phải thu của khách hàng****3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>6.793.345.323</i>	-
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	6.793.345.323	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>66.750.879.229</i>	<i>79.558.301.609</i>
Công ty SK Engineering and Construction	24.965.033.664	25.526.849.978
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	8.219.169.047	8.219.169.047
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	2.267.704.120	2.267.704.120
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Việt Hoa	62.500.000	62.500.000
Công ty Cổ phần Anh Cao	55.850.000	55.850.000
Công ty Cổ Phần Thủy Điện Sông Bạc <sup>(i)</sup>	13.927.265.023	13.927.265.023
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Hạ tầng	28.000.000	28.000.000
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	704.446.925	704.446.925
Các khách hàng khác	16.520.910.450	28.766.516.516
<b>Cộng</b>	<b><u>73.544.224.552</u></b>	<b><u>79.558.301.609</u></b>
Trong đó:		
<sup>(i)</sup> Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	13.927.265.023	14.778.061.948

**3b. Phải thu dài hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>20.826.699.903</i>	<i>15.126.180.660</i>
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 4	5.153.965.000	7.081.782.000
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 1	2.691.000.000	2.691.000.000
Hazama Ando Corporation	4.196.936.760	2.644.671.304
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	2.438.779.542	947.185.562
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh	3.125.857.400	-
Các khách hàng khác	3.220.161.201	1.761.541.794
<b>Cộng</b>	<b><u>20.826.699.903</u></b>	<b><u>15.126.180.660</u></b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>41.479.547.016</i>	<i>17.379.671.588</i>
Công ty Cổ phần JIVC	8.780.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Lan Linh	7.798.550.714	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Nông nghiệp Hà Nội	6.210.111.139	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nông thôn 10	4.173.829.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp 5	2.327.266.071	3.000.000.000
Công ty TNHH Thiết bị và Xây dựng Phoenix <sup>(i)</sup>	264.820.000	264.820.000
Các nhà cung cấp khác	11.924.970.092	14.114.851.588
<b>Cộng</b>	<b><u>41.479.547.016</u></b>	<b><u>17.379.671.588</u></b>
Trong đó:		
<sup>(i)</sup> Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	264.820.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Là khoản cho vay không xác định thời hạn Công ty Cổ phần CM Nha Trang (là Công ty con) với lãi suất 7%/năm.

**6. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>2.054.233.499</b>	-	<b>1.529.810.575</b>	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - Tiền chi hộ	-	-	548.926.427	-
Công ty Cổ phần CM Nha Trang - Tiền chi hộ	-	-	250.000.000	-
Công ty Cổ phần CM Nha Trang - Lãi cho vay	71.438.889	-	-	-
Công ty Cổ phần CM Thành Đông - Tiền chi hộ	1.698.646	-	1.698.646	-
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại - Tiền chi hộ	3.000.000	-	-	-
Ông Nguyễn Ngọc Tú - Tạm ứng	1.533.667.308	-	356.206.119	-
Ông Dương Ngọc Trường - Tạm ứng	37.406.539	-	8.058.271	-
Ông Dương Ngọc Trường - Ứng trước tiền lương	312.061.446	-	364.921.112	-
Ông Kim Ngọc Nhân - Ứng trước tiền lương	94.960.671	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>55.044.200.276 (39.850.706.013)</b>	-	<b>84.540.124.390 (33.367.509.131)</b>	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.216.761.524	-	758.058.381	-
Tạm ứng	10.206.409.891	-	3.218.199.741	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	1.155.271.179	-	39.936.746.409	-
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	12.610.656.272 (12.610.656.272)	-	12.610.656.272 (8.827.459.390)	-
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	5.700.000.000 (5.700.000.000)	-	5.700.000.000 (3.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	21.540.049.741 (21.540.049.741)	-	21.540.049.741 (21.540.049.741)	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.615.051.669	-	776.413.846	-
<b>Cộng</b>	<b>57.098.433.775 (39.850.706.013)</b>	-	<b>86.069.934.965 (33.367.509.131)</b>	-
Trong đó:				
Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	-	-	21.540.049.741	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	Trên 3 năm	21.540.049.741	(21.540.049.741)	Trên 3 năm	21.540.049.741	(21.540.049.741)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	Trên 3 năm	2.267.704.120	(2.267.704.120)	Trên 3 năm	2.267.704.120	(2.267.704.120)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	Trên 3 năm	704.446.925	(704.446.925)	Trên 3 năm	704.446.925	(704.446.925)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	Trên 3 năm	5.906.047.298	(5.906.047.298)	Trên 3 năm	5.906.047.298	(5.906.047.298)
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	Trên 3 năm	5.700.000.000	(5.700.000.000)	Trên 3 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	Trên 3 năm	12.610.656.272	(12.610.656.272)	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	12.610.656.272	(8.827.459.390)
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	146.350.000	(146.350.000)	Trên 3 năm	146.350.000	(146.350.000)
<b>Cộng</b>		<b>48.875.254.356</b>	<b>(48.875.254.356)</b>		<b>46.175.254.356</b>	<b>(42.392.057.474)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	42.392.057.474	37.198.112.031
Trích lập dự phòng bổ sung	6.483.196.882	5.193.945.443
Số cuối năm	<b>48.875.254.356</b>	<b>42.392.057.474</b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	2.595.780.551	-
Nguyên liệu, vật liệu	5.599.125.428	-	9.593.659.273	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	3.306.569.329	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	84.565.790.722	-	43.018.690.257	-
Hàng hóa	2.496.119.532	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>92.661.035.682</b>	<b>-</b>	<b>58.514.699.410</b>	<b>-</b>

(\*) Chi tiết theo các công trình, dự án như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Xenamnoy Gói 3	2.781.399.712	9.167.059.038
Dự án Sông Bạc	21.361.631.990	21.361.631.990
Khách sạn CM Nha Trang	12.344.919.437	3.492.744.672
Dự án Dầu Tiếng	16.690.720.142	-
Gói thầu XL1 kênh Linh Cảm - Ngàn Trươi	9.375.526.535	1.893.824
Gói thầu XL3 kênh Linh Cảm - Ngàn Trươi	5.050.872.277	34.313.078
Dự án Nậm Ngừm	5.655.470.416	-
Các công trình, dự án khác	11.305.250.213	8.961.047.655
<b>Cộng</b>	<b>84.565.790.722</b>	<b>43.018.690.257</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Chi phí trả trước****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	1.719.332.035	1.540.346.206
Chi phí xuất nhập cảnh lao động	362.234.475	275.115.750
Phí bảo lãnh	115.331.652	278.270.782
Chi phí sửa chữa	106.742.071	23.082.453
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	191.077.973	75.377.331
<b>Cộng</b>	<b><u>2.494.718.206</u></b>	<b><u>2.192.192.522</u></b>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.337.630.133	247.100.074
Phí bảo lãnh	640.845.943	811.273.167
Các chi phí trả trước dài hạn khác	779.461.205	112.293.600
<b>Cộng</b>	<b><u>5.757.937.281</u></b>	<b><u>1.170.666.841</u></b>

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	16.603.265.742	32.345.774.389	8.327.502.818	2.248.268.081	59.524.811.030
Mua trong năm	-	-	793.670.000	-	793.670.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.000.000.000)	(1.196.641.819)	-	(3.196.641.819)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>16.603.265.742</u></b>	<b><u>30.345.774.389</u></b>	<b><u>7.924.530.999</u></b>	<b><u>2.248.268.081</u></b>	<b><u>57.121.839.211</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	5.321.456.272	2.356.200.000	445.908.848	8.123.565.120
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	885.507.505	18.587.803.785	4.284.650.692	908.316.837	24.666.278.819
Khấu hao trong năm	664.130.628	5.595.164.887	1.405.673.344	452.672.328	8.117.641.187
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.000.000.000)	(1.196.641.819)	-	(3.196.641.819)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.549.638.133</u></b>	<b><u>22.182.968.672</u></b>	<b><u>4.493.682.217</u></b>	<b><u>1.360.989.165</u></b>	<b><u>29.587.278.187</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	15.717.758.237	13.757.970.604	4.042.852.126	1.339.951.244	34.858.532.211
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>15.053.627.609</u></b>	<b><u>8.162.805.717</u></b>	<b><u>3.430.848.782</u></b>	<b><u>887.278.916</u></b>	<b><u>27.534.561.024</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 19.567.810.470 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	12.915.578.000	209.455.000	38.000.000	13.163.033.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.915.578.000</b>	<b>209.455.000</b>	<b>38.000.000</b>	<b>13.163.033.000</b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	38.000.000	38.000.000
Chờ thanh lý				
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	-	97.745.650	38.000.000	135.745.650
Khấu hao trong năm	-	20.945.496	-	20.945.496
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>118.691.146</b>	<b>38.000.000</b>	<b>156.691.146</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	12.915.578.000	111.709.350	-	13.027.287.350
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.915.578.000</b>	<b>90.763.854</b>	<b>-</b>	<b>13.006.341.854</b>
Tạm thời không sử dụng				
Đang chờ thanh lý				

**12. Phải trả người bán****12a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>32.853.990.591</b>	<b>45.469.127.226</b>
Công ty TNHH CM Xây dựng	5.586.705.710	5.586.705.710
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	24.673.849.833	37.288.986.468
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	2.593.435.048	2.593.435.048
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>45.948.917.605</b>	<b>37.818.139.727</b>
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Huy Hùng <sup>(i)</sup>	6.038.825.952	6.038.825.952
Công ty Cổ phần Thịnh Cường <sup>(i)</sup>	437.048.237	437.048.237
Các nhà cung cấp khác	39.473.043.416	31.342.265.538
<b>Cộng</b>	<b>78.802.908.196</b>	<b>83.287.266.953</b>
Trong đó:		
<sup>(i)</sup> Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	6.475.874.189	6.038.825.952

**12b. Phải trả người bán dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>11.913.492.746</b>	<b>6.366.688.134</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	2.979.182.278	2.979.182.278
Công ty TNHH Hòa Hiệp	1.588.606.000	2.401.825.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp 5	1.453.601.500	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển C&D	1.397.378.558	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Lan Linh	1.913.310.380	-
Các nhà cung cấp khác	2.581.414.030	985.680.856
<b>Cộng</b>	<b>11.913.492.746</b>	<b>6.366.688.134</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	-	2.311.090.483
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	-	2.311.090.483
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>137.994.412.304</b>	<b>176.470.587.140</b>
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tĩnh	56.300.000.000	56.513.137.000
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh	5.400.000.000	35.000.000.000
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 8	58.446.000.001	64.175.118.000
Các khách hàng khác	17.848.412.303	20.782.332.140
<b>Cộng</b>	<b>137.994.412.304</b>	<b>178.781.677.623</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.739.163.745	(1.739.163.745)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	397.998.426	(397.998.426)	-
Thuế nhập khẩu	-	465.974.723	(465.974.723)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.162.379.653	1.460.490.384	(4.072.727.637)	1.550.142.400
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.867.391.891	(201.375.000)	1.666.016.891
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.166.579.462	(1.166.579.462)	-
<b>Cộng</b>	<b>4.162.379.653</b>	<b>7.097.598.631</b>	<b>(8.043.818.993)</b>	<b>3.216.159.291</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động xuất khẩu là 0%, hoạt động trong nước là 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.851.465.999	4.394.218.917
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	450.985.921	1.762.482.428
- Các khoản điều chỉnh tăng	5.176.717.085	2.765.611.863
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ xe ô tô trên 1,6 tỷ đồng</i>	53.769.122	50.147.368
<i>Lãi phạt chậm nộp tiền thuế, BHXH, các khoản phạt</i>	1.297.068.528	250.649.276
<i>Dự phòng phải thu khó đòi không đủ điều kiện</i>	2.700.000.000	-
<i>Thù lao HĐQT không tham gia điều hành</i>	93.000.000	48.000.000
<i>Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ khác</i>	29.750.000	2.287.981.597
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm trước</i>	1.003.129.435	128.833.622
- Các khoản điều chỉnh giảm	(4.725.731.164)	(1.003.129.435)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm</i>	(2.508.969.640)	(1.003.129.435)

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn cuối năm</i>	<i>(2.216.761.524)</i>	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>7.302.451.920</b>	<b>6.156.701.345</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.460.490.384</b>	<b>1.231.340.268</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>11.395.819.217</i>	<i>2.755.406.229</i>
Chi phí lãi vay phải trả	86.863.945	43.076.493
Trích trước chi phí công trình	11.308.955.272	2.712.329.736
<b>Cộng</b>	<b>11.395.819.217</b>	<b>2.755.406.229</b>

#### 16. Doanh thu chưa thực hiện

##### 16a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu nhận trước về cho thuê lán trại, văn phòng tại Dự án Ngân Trươi	-	56.426.328
Doanh thu nhận trước vé máy bay Dự án Senji	5.059.940.150	1.981.238.037
Phí quản lý hợp đồng nhận trước	825.738.655	-
<b>Cộng</b>	<b>5.885.678.805</b>	<b>2.037.664.365</b>

##### 16b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là tiền nhận trước về cho thuê lán trại, văn phòng tại Ngân Trươi.

#### 17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.572.731.088</i>	<i>2.109.745.632</i>
Kinh phí công đoàn	343.360.056	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	340.548.724	187.278.414
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.580.561.776	1.227.680.004
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	308.260.532	694.787.214
<b>Cộng</b>	<b>2.572.731.088</b>	<b>2.109.745.632</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 18. Vay

### 18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>8.698.471.321</i>	<i>8.698.471.321</i>
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại <sup>(i)</sup>	2.074.471.321	2.074.471.321
Công ty Cổ phần CM Thành Đông <sup>(i)</sup>	6.624.000.000	6.624.000.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>29.800.150.287</i>	<i>11.012.797.676</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An <sup>(ii)</sup>	8.999.999.007	-
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Phòng giao dịch Mỹ Đình	-	6.013.666.828
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 <sup>(iii)</sup>	20.800.151.280	4.999.130.848
<i>Vay cá nhân (Ông Phạm Văn Tùng) <sup>(i)</sup></i>	<i>1.455.207.000</i>	<i>3.388.721.000</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i>	<i>1.523.500.000</i>	<i>2.065.333.333</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>41.477.328.608</u></b>	<b><u>25.165.323.330</u></b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Là các khoản vay không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%/năm, không xác định thời hạn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An để phục vụ hoạt động thi công xây lắp của Công ty, thời hạn vay 04 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng chứng chỉ tiền gửi có giá trị tối thiểu 5,5 tỷ đồng, trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành với tổng giá trị 4.560.000.000 VND và quyền đòi nợ từ các hợp đồng/công trình do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cấp tín dụng.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch I để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp và các khoản lương cho cán bộ công nhân viên, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn bên liên quan	8.698.471.321	6.325.940.000	-	(6.325.940.000)	8.698.471.321
Vay ngắn hạn ngân hàng	11.012.797.676	52.006.268.673	-	(33.218.916.062)	29.800.150.287
Vay ngắn hạn cá nhân	3.388.721.000	900.000.000	-	(2.833.514.000)	1.455.207.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.065.333.333	-	1.523.488.667	(2.065.322.000)	1.523.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>25.165.323.330</u></b>	<b><u>59.232.208.673</u></b>	<b><u>1.523.488.667</u></b>	<b><u>(44.443.692.062)</u></b>	<b><u>41.477.328.608</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Phòng giao dịch Mỹ Đình <sup>(i)</sup>	25.000.000	860.488.667
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An <sup>(ii)</sup>	-	688.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>25.000.000</u></b>	<b><u>1.548.488.667</u></b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp với lãi suất cố định năm đầu theo từng kế ước từ 7,69% - 8%, thả nổi trong các năm tiếp theo. Thời hạn của khoản vay 02 đến 03 năm theo từng kế ước kể từ ngày ký kế ước nhận nợ. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp với lãi suất cố định năm đầu 9%, thả nổi trong các năm tiếp theo. Thời hạn của khoản vay là 03 năm kể từ ngày ký kế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn trong năm nay như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.523.500.000	2.065.333.333
Trên 1 năm đến 5 năm	25.000.000	1.548.488.667
Trên 5 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.548.500.000</u></b>	<b><u>3.613.822.000</u></b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.548.488.667	2.988.822.000
Số tiền vay phát sinh	-	900.000.000
Số tiền vay đã trả	-	(275.000.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(1.523.488.667)	(2.065.333.333)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>25.000.000</u></b>	<b><u>1.548.488.667</u></b>

#### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	807.610.520	-	-	807.610.520
Quỹ phúc lợi	265.640.792	-	-	265.640.792
<b>Cộng</b>	<b><u>1.073.251.312</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.073.251.312</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	172.000.000.000	(211.950.000)	4.922.215.574	10.567.609.737	187.277.875.311
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	3.162.878.649	3.162.878.649
Trích lập các quỹ	-	-	226.250.635	(226.250.635)	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>172.000.000.000</b>	<b>(211.950.000)</b>	<b>5.148.466.209</b>	<b>13.504.237.751</b>	<b>190.440.753.960</b>
Số dư đầu năm nay	172.000.000.000	(211.950.000)	5.148.466.209	13.504.237.751	190.440.753.960
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	5.390.975.615	5.390.975.615
Trích lập các quỹ	-	-	12.896.100	(12.896.100)	-
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(8.600.000.000)	(8.600.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>172.000.000.000</b>	<b>(211.950.000)</b>	<b>5.161.362.309</b>	<b>10.282.317.266</b>	<b>187.231.729.575</b>

**20b. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.200.000	17.200.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**20c. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ/ĐHĐCĐ/CMVN ngày 26 tháng 4 năm 2019 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 12.896.100
• Chia cổ tức	: 8.600.000.000

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	214.572,05	751,84
Euro (EUR)	683,02	34.161,67
Kíp Lào (LAK)	1.307.939,80	9.277.557,80
Baht Thái Lan (THB)	13.182,46	16.626,55

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	809.496.458	686.818.192
Doanh thu hợp đồng xây dựng	266.279.949.316	325.976.636.594
<b>Cộng</b>	<b><u>267.089.445.774</u></b>	<b><u>326.663.454.786</u></b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Doanh thu cho thuê nhà</b>		
Ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch HĐQT	163.636.364	150.000.003
Ông Kim Ngọc Nhân - Phó Chủ tịch HĐQT	163.636.364	150.000.003
Ông Dương Ngọc Trường - Phó Tổng Giám đốc	81.818.180	75.000.002

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	371.404.644	396.870.634
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	249.446.046.410	301.205.334.622
<b>Cộng</b>	<b><u>249.817.451.054</u></b>	<b><u>301.602.205.256</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.464.307.437	984.939.140
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	78.272.197	11.614.346
Lãi tiền cho vay	71.438.889	157.837.333
Lãi đầu tư trái phiếu	365.940.000	360.240.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	639.082.629	4.206.281.734
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.508.969.640	1.003.605.818
Lãi được hưởng tương ứng với tiền bảo hành chủ đầu tư giữ lại	1.857.120.966	
<b>Cộng</b>	<b><u>8.985.131.758</u></b>	<b><u>6.724.518.371</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	793.896.172	4.382.387.378
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	674.136.705	1.666.101.517
Dự phòng tổn thất đầu tư	794.045.525	3.089.585.834
<b>Cộng</b>	<b><u>2.262.078.402</u></b>	<b><u>9.138.074.729</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.139.362.216	7.393.957.558
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.025.876.974	567.340.270
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.191.372.376	1.275.124.145
Thuế, phí và lệ phí	211.935.656	534.420.581
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	6.483.196.882	5.193.945.443
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.066.314.758	3.126.297.046
Chi phí bằng tiền khác	395.351.250	34.292.090
<b>Cộng</b>	<b><u>18.513.410.112</u></b>	<b><u>18.125.377.133</u></b>

**6. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.052.115.454	-
Thu bán vật tư, vận chuyển thiết bị	6.155.984.705	114.530.671
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	316.000.000	-
Thu nhập khác	449.746.688	303.391.119
<b>Cộng</b>	<b><u>8.973.846.847</u></b>	<b><u>417.921.790</u></b>

**7. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí bán vật tư, vận chuyển thiết bị	6.155.984.705	-
Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt vi phạm hành chính, BHXH	1.297.068.528	250.649.276
Chi phí khác	150.965.579	295.369.636
<b>Cộng</b>	<b><u>7.604.018.812</u></b>	<b><u>546.018.912</u></b>

**8. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.114.940.300	104.656.403.596
Chi phí nhân công	52.849.395.857	54.103.991.199
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.138.586.683	8.377.123.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	147.815.312.141	147.875.294.429
Chi phí khác	11.530.705.824	10.202.880.150
<b>Cộng</b>	<b><u>325.448.940.805</u></b>	<b><u>325.215.692.674</u></b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi nhập gốc	843.056.581	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Các thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Vay Ông Nguyễn Ngọc Tú	6.325.940.000	-
Trả tiền vay cho Ông Nguyễn Ngọc Tú	6.325.940.000	-
Tạm ứng cho Ông Nguyễn Ngọc Tú	2.426.075.232	-
Tạm ứng cho Ông Dương Ngọc Trường	126.112.000	-

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thù lao	1.890.940.000	2.828.996.667
Phụ cấp	103.500.000	36.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.994.440.000</u></b>	<b><u>2.864.996.667</u></b>

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH CM Xây dựng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin	Công ty liên kết

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

##### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty không phát sinh giao dịch với bên liên quan khác.

##### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.12, V.13 và V.18.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

### 2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

	<u>Khu vực trong nước</u>	<u>Khu vực nước ngoài</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	144.815.695.493	122.273.750.281	267.089.445.774
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>144.815.695.493</u></b>	<b><u>122.273.750.281</u></b>	<b><u>267.089.445.774</u></b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>7.519.287.513</u>	<u>9.752.707.207</u>	17.271.994.720
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(18.513.410.112)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(1.241.415.392)
Doanh thu hoạt động tài chính			8.985.131.758
Chi phí tài chính			(2.262.078.402)
Thu nhập khác			8.973.846.847
Chi phí khác			(7.604.018.812)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.460.490.384)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b><u>5.390.975.615</u></b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b><u>6.837.732.863</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>6.837.732.863</u></b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b><u>5.220.667.226</u></b>	<b><u>5.595.164.887</u></b>	<b><u>10.815.832.113</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Khu vực trong nước</u>	<u>Khu vực nước ngoài</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	139.246.685.215	187.416.769.571	326.663.454.786
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<u>139.246.685.215</u>	<u>187.416.769.571</u>	<u>326.663.454.786</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.393.813.644	22.667.435.886	25.061.249.530
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(18.125.377.133)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			6.935.872.397
Doanh thu hoạt động tài chính			6.724.518.371
Chi phí tài chính			(9.138.074.729)
Thu nhập khác			417.921.790
Chi phí khác			(546.018.912)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.231.340.268)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<u>3.162.878.649</u>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<u>5.028.814.447</u>	<u>1.056.545.455</u>	<u>6.085.359.902</u>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<u>3.786.752.406</u>	<u>6.179.039.555</u>	<u>9.965.791.961</u>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

	<u>Khu vực trong nước</u>	<u>Khu vực nước ngoài</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	207.894.419.901	53.909.585.557	261.804.005.458
Tài sản phân bổ cho bộ phận	7.052.028.716	5.954.313.138	13.006.341.854
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			213.395.578.314
<b>Tổng tài sản</b>			<u>488.205.925.626</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	229.349.461.888	10.757.170.575	240.106.632.463
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	27.834.287.446	23.501.614.937	51.335.902.383
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			9.531.661.205
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<u>300.974.196.051</u>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	131.497.022.188	75.111.030.131	206.608.052.319
Tài sản phân bổ cho bộ phận	5.553.135.970	7.474.151.380	13.027.287.350
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			281.740.884.405
<b>Tổng tài sản</b>			<u>501.376.224.074</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	259.215.072.986	11.975.965.953	271.191.038.939
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	13.111.570.815	17.647.301.567	30.758.872.382
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			8.985.558.793
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<u>310.935.470.114</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng, lắp đặt công trình.
- Lĩnh vực Dịch vụ: Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động, cho thuê văn phòng và cho thuê thiết bị thi công.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lĩnh vực xây lắp	266.279.949.316	325.976.636.594
Lĩnh vực dịch vụ	809.496.458	686.818.192
<b>Cộng</b>	<b><u>267.089.445.774</u></b>	<b><u>326.663.454.786</u></b>

#### 3. Số liệu so sánh

##### Các sai sót

Công ty đã thực hiện điều chỉnh một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về thuế của Cục thuế thành phố Hà Nội ngày 22 tháng 5 năm 2019.

##### Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>	<u>Ghi chú</u>
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	416.290.955	3.746.088.698	4.162.379.653	(i)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17.250.326.449	(3.746.088.698)	13.504.237.751	(ii)
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	779.718.270	451.621.998	1.231.340.268	(iii)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	3.614.500.647	(451.621.998)	3.162.878.649	(iv)

(i) (ii) Điều chỉnh truy thu thuế TNDN các năm 2017 và 2018, số tiền lần lượt là 3.294.466.700 VND và 451.621.998 VND.

(iii) (iv) Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018



# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu



Ngô Thị Trang

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thủy

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

